

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
NHÀ MÁY IN TIỀN QUỐC GIA

Số: 363 /NMI
V/v báo giá phụ tùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Quý đơn vị quan tâm

Nhà máy In tiền Quốc gia dự kiến mua phụ tùng các máy Simultan 212, Super Intaglio, Super Orlof Intaglio, Super Numerota, NotaProtector 105SW, Super Check III, máy cắt Polar, máy Heidelberg SM 012, máy Offset LT-832IIA, máy BPS2000 để phục vụ sản xuất với số lượng, chủng loại theo danh mục đính kèm công văn này

Đề nghị Quý đơn vị quan tâm gửi báo giá và cung cấp tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất kèm theo cho Nhà máy In tiền Quốc gia để chúng tôi có cơ sở tiến hành các thủ tục mua sắm theo quy định. Trường hợp cần thêm thông tin hoặc tiến hành khảo sát, đơn vị quan tâm có thể liên hệ với Nhà máy để thực hiện.

Thời hạn gửi báo giá: trước ngày 30/9/2021. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P. Vật tư;
- Lưu Văn thư.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

DANH MỤC VẬT TƯ PHỤ TÙNG MÁY

Máy cắt Polar 115 SD-P Machine Number: 6231911

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/ sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1			Động cơ bàn ke (với cuộn phanh) Antrieb stechnik 3377654-47 G Bauknecht BA 90L/12/2C-11RQ	Cái	1

Máy Super Check III Machine Number: 64903417

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/ sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1	M8256370	501-307		Cái	2
2	P00449620	455-013	Nhíp guồng (Gripper)	Cái	15
3	L5638930	566-60	Nhíp ra giấy (Gripper)	Cái	15
4	L3531991	455-100	Tấm mica bọc ống kiểm tra xuyên thấu (Cylinder body)	Bộ	1
5			Dung dịch làm mát Rittal RiFost Standard SK3301.960 mixture 1:4	Lít	10
6			Dung dịch làm mát đèn Nalco mã hiệu Nalco CW-143	Kg	25

Máy BPS 2000

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/ sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1	101711001		Rubber	Chiếc	30

2	225432011	Folding spring	Chiếc	5
3	206426000	Cylinder (D=20)	Chiếc	1
4	156676001	Rotary drive	Chiếc	1
5	206425000	Cylinder (D=20)	Chiếc	1
7	101752001	Heat sealing die	Chiếc	2
8	102240011	Spiral stacker disk 2	Chiếc	15
9	103403001	Presser, pre-assembled	Chiếc	3
10	152463001	Transport belt (L=493)	Chiếc	20
11	152466001	Transport belt (L=620)	Chiếc	20
12	152468001	Transport belt (L=436)	Chiếc	20
13	206424000	Cylinder assembly (D=16)	Chiếc	2
14	102661021	Stepper motor assembly	Chiếc	2
16	222774011	Stepper motor assembly	Chiếc	2
17	150890011	Motor with motor PCB	Chiếc	2
18	100199001	Pusher	Chiếc	10
19	216857000	Gear motor 24V	Chiếc	1
20	152470001	Transport belt (L=673)	Chiếc	30
21	100611001	Transport belt (L=756)	Chiếc	10
22	100612001	Transport belt (L=995)	Chiếc	10
23	100619001	Transport belt (L=2950)	Chiếc	10
24	185717000	Cylinder	Chiếc	1
25	181674000	Stopper	Chiếc	2
26	181924000	Solenoid valve	Chiếc	1
27	187013000	Cylinder	Chiếc	1
28	206420000	Cylinder (D=10)	Chiếc	1
29	228410000	Cylinder	Chiếc	1
30	105452121	Band welder assembly	Chiếc	2
31	187825000	Halogen lamp OBIS L/R EKE 21V150W	Chiếc	10
32	192925000	Halogen lamp OBIS T 12V 100W	Chiếc	10
33	155609001	GAOMC-ZP PCB (polyglot)	Chiếc	1
34	102681051	GAOMC-ZP PCB	Chiếc	1
35	182328000	Stepper motor driver (WD3)	Chiếc	1
36	179282000	I/O Module (PMC)	Chiếc	1
37	179284000	Controller module for stepper motor (PSA2)	Chiếc	1
38	102452021	Gate controller PCB (W- STG PCB)	Chiếc	1
39	263314001	Controller without memory module	Chiếc	1

40	116732021		Stepper motor driver PCB (SMTR PCB)	Chiếc	1
41	106211000		Screw	Chiếc	30
42	101709001		Spring	Chiếc	5
43	101817001		Folding slider with friction coating	Chiếc	5
44	152469001		Transport belt (L=712)	Chiếc	15
45	100411001		Support	Chiếc	3
46	246805000		Tape, silicone	Mét	1
47	246802000		Tape, teflon	Mét	5
48	100198021		Singler rotor assembly	Chiếc	3
49	260232000		Welding bar	Chiếc	2
50	102711031		GAOMC-EA PCB	Chiếc	2
51	150365011		PMC Interface PCB assembly	Chiếc	1
52	150831031		Interface PCB assembly	Chiếc	2
53	236616001		Thickness	Chiếc	1
54	141313001		BMOS PCB assembly	Chiếc	1
55	153996001		EX-INTF-1 PCB assembly	Chiếc	1
56	236690001		I/O driver PCB	Chiếc	2
57	102837001		Photo detector test driver PCB assembly	Chiếc	2
58	251185000		Switching controller 220V/24A	Chiếc	1
59	146218031		Single Board Computer	Chiếc	1
60	180719000		DC/DC converter 24V/2x12V	Chiếc	1
61	207524011		Single Board Computer (SEC) 486/05 (DX2) AMS BUS	Chiếc	1
62	208063051		Circuit board SAP-4MB-33MHZ	Chiếc	1
63	259259000		Computer board CL-IO	Chiếc	1
64	259253000		Camera transmitter board (WLWL) with cable	Chiếc	1
65	124899021		Pulse generator	Chiếc	1
66	102448051		Interface K PCB assembly	Chiếc	1
67	145032001		Display driver PCB assembly	Chiếc	1
68	138611021		Switching controller 5V/20A	Chiếc	1
69	131071011		CPU board (MC-Z180)	Chiếc	1
70	259266000		Camera ADAM	Chiếc	1

71	102439011		Stepper motor driver - rear panel (SMTR-RP)	Chiếc	1
72	250824000		Solenoid valve	Chiếc	1
73	180227000		Solenoid impulse valve	Chiếc	1
74	253949000		Solenoid impulse valve	Chiếc	1
75	246807000		HEATING LEFT (coil electric, 220v, 1500w)	Chiếc	1
76	207892000		Solenoid valve	Chiếc	1
77	246806000		SEALING BAR HEATER 1	Chiếc	1
78	260283000		PROXIMITY INITIATOR BSE M12	Chiếc	2
79		VE01	INQUIRY VACUUM EJECTOR	Chiếc	1
80	216748000	E540	Serial adapter (Hostess 550) 8x PS232	Cái	1
81	153100001	E541	LAN Adapter	Cái	1
82	151107001	E018	Gear motor assembly	Cái	1
83	222774011	E002	Stepper motor assembly	Cái	3
84	105449041	C507	Band printer assembly	Cái	2
85	130299000	E008	Gear motor	Cái	2
86	263391000	M046	Thermal transfer printer, A4+/300P	Cái	1
87	277334001		Illumination unit OBIS-L/R	Bộ	2
88	256920001	C823	Illumination unit TMS	Bộ	1
89	260909001		(cable with 6 pins)		

DANH MỤC VẬT TƯ PHỤ TÙNG MÁY

Máy Super Simultan 212
Machine Number: 6440080B

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/ sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1		2.112/20	Ly hợp điện	Bộ	2
2		7N3.1	Bộ điều khiển động cơ chính	Bộ	1
3		174M4.1	Động cơ lô nước màu 4	Cái	1
4		120G1.1	Nguồn Trivolt GK120	Bộ	2
5		120A5.2, 120A6.1	Mảng SPS1, SPS2	Bộ	3
6		120A6.2	Mảng IR	Bộ	2
7		121A5.1	Mảng Input	Cái	2
8		121A3.3	Mảng Output	Cái	2
9		120A3.3	Mảng Analoge output	Cái	2
10		120A5.1	Mảng Carrier stage	Cái	2
11		120A7.2	Mảng Bus Couple unit	Cái	2

Máy Super Intaglio
Machine Number: 6340130B

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1		204-19	Củ nước xoay lô máng SII	Cái	8
2		204-20	Củ nước xoay lô máng SI	Cái	8
3		205-04	Bộ dao máng mực	Bộ	3
		205-03			
		205-95			
4		8N4.1	Máng điều khiển lô hút	Cái	3
5		8M4.1	Động cơ lô hút	Cái	3
6		120A5.2, 120A5.3,	Mảng SPS2	Bộ	2
7		120A5.4, 120A6.1	Mảng SPS1	Bộ	2
8		120A6.2, 120A6.3, 120A7.1	Mảng IR	Bộ	2
9		28Y6.1	Điều khiển lên bàn chính	Bộ	2
10		7N3.1	Bộ điều khiển động cơ chính	Bộ	1

11		27M4.1	Quạt hút mắc giò	Cái	1
12		7K3.1	Bộ bảo vệ trề	Cái	2

Máy Super Orlof Intaglio
Machine Number: 6340210B

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/ sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1	L5692115	107-11	Nắp Piston dao gạt khô	Cái	8
2	L5692126	107-12	Ty piston dao gạt khô	Cái	4
3	L6200100	007-120	Nhíp cao su (Gripper)	Cái	20
4	L6714262	107-36	Phốt piston thủy lực dao gạt khô	Cái	30
5	L5692272	107-37	Zoăng tròn piston dao gạt khô	Cái	16
6	L0677150	107-43	Xecmăng piston dao gạt khô	Cái	20
7	L6329250	422/120	Bộ phốt piston thủy lực lô chà	Cái	40
8	L6329260	422/21	Piston thủy lực lô chà (Cylinder)	Cái	5
9	L6019250	055-198	Vành lăn (quả đào) ty giấy phía dưới – tay kê nách (Disc)	Cái	15
10	L6019240	055-25	Bi gale lệch tâm điều chỉnh lực ty giấy tay kê nách (Cam follower)	Cái	15
11	L6019200	055-21	Bi gale – tay kê nách (Cam follower)	Cái	15
12	L5233361	057-14	Tay biên piston tổ ong (SII) (Lever)	Cái	1
13	L5292790	057-15	Tay biên piston tổ ong (SI) (Lever)	Cái	1
14	S3435012	350-000	Xích ra giấy (chain)	Bộ	1
15	M8435840	540-080	Núm hút nâng (Sucker)	Cái	12
16	M8435450	540-010	Núm hút đưa (chỉnh độ cao) (Sucker)	Cái	6
17	P0012330	540-070	Núm hút dẫn đưa (Tow nozzle)	Cái	10
18	M8435510	540-020	Tay chỉnh cáp side 1 (Bowden cable)	Cái	3
19	M8435090	540-010	Dây cáp (Bowden cable)	Cái	3
20	M8435040	540-010	Dẫn hướng cáp (Rope guide)	Cái	6
21	M8435520	540-020	Tay chỉnh cáp side 2 (Bowden cable)	Cái	3
22	M8435090	540-010	Dây cáp (Bowden cable)	Cái	3
23	P 0043981	540-020	Chân vệt (Tracer)	Cái	2
24	M8250750	501-004	Dây băng (Suction tape)	Cái	4
25	L0845195		Protective Grating	Cái	2
26		011-21	Đồng hồ áp lực ép in SI	Cái	4
27		011-61	Đồng hồ áp lực ép in SII	Cái	4
28		011-18	Tay chỉnh áp lực ép in	Cái	8

29		007-14	Bánh vít (đồng) căng cao su	Cái	2
30		011-20	Piston ép in (Cylinder)	Cái	2
31		011-26	Bộ phốt + xéc măng piston ép in	Bộ	5
32		013-10	Bulong bắn bản	Cái	50
33		016/02-148	Đồng hồ áp lực lô chablon	Cái	16
34		016/02-408	Tay chỉnh áp lực lô chablon	Cái	16
35		017-408	Tay chỉnh lệch lô chablon		16
36		017-281	Đồng hồ chỉnh trái – phải lô chablon		8
37		017-280	Đồng hồ chỉnh nhíp – đuôi lô chablon	Cái	8
38		055-117	Nồi trực tay kê nách	Cái	1
39		057-122	Cặp ty-bạc đồng đóng mở hơi tổ ong		40
40		106-27	Piston ra – vào lô rửa	Cái	2
41		106-55	Bulong kẹp dẫn hướng bạc lô rửa (loại ngắn)	Cái	30
42		106-57	Bulong kẹp dẫn hướng bạc lô rửa (loại dài)	Cái	30
43		107-13	Đai ốc áp lực dao gạt khô	Cái	5
44		107-25	Trục ren áp lực dao gạt khô	Cái	3
45		108-31	Bộ phốt + xéc măng piston bàn chải	Bộ	10
46		109-31	Van xả đáy bể rửa	Cái	4
47		111-07	Piston dao số 1	Cái	2
48		111-59	Bộ phốt + xéc măng piston dao số 1	Bộ	10
49		120-15	Zoăng thủy lực ly hợp lô rửa	Cái	5
50		120-17	Zoăng thủy lực ly hợp lô rửa	Cái	5
51		120-18	Zoăng thủy lực ly hợp lô rửa	Cái	5
52		132-21	Bi gale sàng sê lô rửa	Cái	5
53		132-38	Đai ốc siết bi gale sàng sê lô rửa	Cái	5
54		141-51	Bộ phốt + xéc măng piston ra – vào ống cao su Orlof	Bộ	4
55		017-66	Van nước đầu lô Chablon SI	Cái	5
56		017-67	Van nước đầu lô Chablon SII	Cái	5
57		017-65	Củ nước xoay lô Chablon	Cái	6
58		337/01-11	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	2
59		337/01-65	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	2
60		337/01-08	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	2
61		337/01-64	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	2
62		337/01-26	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	2
63		337/01-31SIII	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	1

64		337/01-25SII	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	1
65		337/01-25SI	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	1
66		337/01-31SI	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	1
67		337/01-09	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	2
68		337/01-12	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	2
69		337/01-28	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	2
70		337/01-02SII	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	1
71		337/01-01SI	Dẫn hướng xích ra giấy	Cái	1
72		341/01-08	Cam chặn giấy bàn ra giấy	Cái	2
73		405/01-52	Dao máng mực màu +2+3	Cái	3
74		405/02-53	Dao máng mực màu 4	Cái	1
75		106-49	Bạc lô rửa	Cái	2
76		106-50	Bạc lô rửa SI	Cái	1
77		106-51	Bạc lô rửa SII	Cái	1
78		056-40	Cam mở tay kê đầu	Cái	3
79		056-29	Gá mở tay kê đầu	Cái	10
80		056-34	Vít chỉnh mở tay kê đầu	Cái	20
81			Rexroth Pressure control valve DR 6 DPI-50/75Y	Cái	5
82			Rexroth Pressure control valve DR 6 DPI-50/25Y	Cái	5
83	L0852470	152M1	Quạt hút mắc gio	Cái	1
84	L0055987	8N1	Hub arcnet	Cái	2
85	L0740220	805A1	Console keyboard	Cái	1
86	L0740210	821A1-D2	Máy tính Console (không bao gồm màn hình)	Bộ	1
87		84M1	Encoder động cơ chính	Cái	1
88	L0059003	241Y1	Phanh giấy mắc zơ	Cái	1
89	L0852541	126N1	Bộ đ/k phanh, ly hợp mắc zơ	Cái	1
90		326P1	Bộ giám sát áp lực in	Cái	1
91		332Y1	Van thủy lực	Cái	1
92		332Y2	Van thủy lực	Cái	1
92		379A1	Bộ điều khiển vị trí lô rửa	Cái	1
94	L0055693	615D1	Bộ I/O module – input	Cái	1
95	L0055691	616D2	I/O module ICPO 8H1	Cái	2
96	L0051830	381M1	Động cơ điều chỉnh ra vào lô chùi	Cái	1
97	L0053787	379B1	Bộ mã hóa điều chỉnh ra vào lô chùi	Cái	1
98	L0052944	84N1	Bộ điều khiển động cơ chính	Cái	1
THERMOREGULATOR: 78 AQO/W-WX					
1		7B2 Sheet No 07	SPS-PLC 07KT93	Cái	1

2		Sheet No 20	Analoge remote module ICSE08B5	Cái	1
3		Sheet No 10	I/O module ICSK20F1	Cái	2
4		Sheet No 26	I/O module ICFC16L1	Cái	2

Máy Super Orlof Intaglio
Machine Number: 63402110

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
			Thermoregulator: THERMO 78 SFO/M		
1		Sheet No 15	CPU PLC 07KT97	Cái	1
2		Sheet No 18	ANALOG MODULE 07 AI 91	Cái	1
3		Sheet No 20	I/O UNIT 07 DC 92	Cái	1
4		11E8, Sheet No 11	Resistore trifasico Heater Plate Cylinder 15Kw	Bộ	5
5		7E8, Sheet No 7	Resistore trifasico Heater Wiping Cylinder 15Kw	Bộ	5

Máy Super Numerota
Machine Number: 64901501

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1		152-02	Xích ra giấy (chain) Lắp hoàn chỉnh cho cả Side I và Side II	Bộ	1

Máy Super Numerota
Machine Number: 64901905

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/ sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1	L5772830	221-014	Nhíp ống cao su (Gripper)	Cái	20
2	SM010660	7.210/07	Dây băng 80mm (Machine tape 80x1800)	Cái	5
3		152-02	Xích ra giấy (chain) Lắp hoàn chỉnh cho cả Side I và Side II	Bộ	1

Máy Super Numerota
Machine Number: 64902906

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1		152-02	Xích ra giấy (chain) Lắp hoàn chỉnh cho cả Side I và Side II	Bộ	1
2		311D3	I/O module 07DI93-I	Cái	5
3		312D1	I/O module 07DO93-I	Cái	5
4		118N1	Bộ đ/k động cơ mắc zơ	Bộ	1
5		84N1	Bộ điều khiển động cơ chính ACS600	Bộ	1

Máy NotaProtector 105 SW
Machine No: 377830

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/ sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1	SP10030- M8461290		Dây băng bàn nạp giấy (Feederboard tape)	Cái	2
2	SP10030- P9628890		Màng cao su đẩy khí (Membrane)	Cái	5

Máy KOMORI LT-832IIA

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/ sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1	YTB1302200		Dây băng bàn nạp giấy	Cái	4
2	YTB1302300		Dây băng bàn nạp giấy	Cái	4
3	YTQ1312200		Dây băng bàn nạp giấy	Cái	2
4	YTQ1312300		Dây băng bàn nạp giấy	Cái	2

Máy Heidelberg SM 102
Machine Number: 545079

STT	Mã hiệu	Tham chiếu catalogue/ sơ đồ điện	Mô tả	Đơn vị	Số lượng
1	00.783.0182		Máy tính đ/k Console	Bộ	1
2	00.783.0230	+91Q1	Chuyển mạch chính	Cái	2
3	00.783.0263			Cái	2
4	F2.161.1421	+1-B220	Cảm biến tờ dup	Cái	1
5	F2.161.1411	+1-BA220a		Cái	1
6	C2.147.2011	+1-B220X1		Cái	3
7	91.335.047	+1-E21	Bộ van khí	Bộ	1
8	61.165.1561	+1-A24	Cảm biến tay kê nách	Cái	1
9	91.165.1521	+1-B209		Cái	2
10		+2-A81	Bộ giám sát đảo trở	Cái	2
11	61.335.001	+2Y312	Van khí ép in pha 1	Cái	10
12	61.144.1121	+60M3	Động cơ điều chỉnh giấy	Cái	5
13	61.144.1141	1M8	Động cơ chỉnh tay kê nách	Cái	2
14	61.165.1651	1-R8	Cảm biến vị trí tay kê nách	Cái	2
15	61.144.1131	X-M5	Động cơ điều chỉnh áp lực in	Cái	2
16	71.186.5172	X-R5	Cảm biến vị trí áp lực in	Cái	2
17	G2.110.2571		Cảm biến OPT-ENCD	Cái	1
18		Z-XIS	Giắc cắm điện đèn UV (Đục, cái)	Bộ	10
19		Z-M11	Động cơ hơi hút đèn UV	Cái	2
20		Z-1A41	Mảng điều khiển đèn UV	Cái	3